

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Trừ khi có quy định khác, toàn bộ E-ĐKCT phải được Chủ đầu tư ghi đầy đủ trước khi phát hành E-HSMT.

E-ĐKC 1.3	Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng Mã số thuế: 0200493225 Số tài khoản: 3210010512 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hải Phòng. Điện thoại: 02253775161 Fax: 02253775162 Email: ndhpvn@ndhp.vn
E-ĐKC 1.5	Địa điểm cung cấp dịch vụ là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng; Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng
E-ĐKC 1.11	Nhà thầu: _____ [ghi tên, địa chỉ, số tài khoản, mã số thuế, điện thoại, fax, email của Nhà thầu].
E-ĐKC 2.2 (i)	Các tài liệu sau đây cũng là một phần của Hợp đồng: Không có.
E-ĐKC 4.1	Các thông báo cần gửi về Chủ đầu tư theo địa chỉ dưới đây: Người nhận: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng Địa chỉ: Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, Thành phố Hải Phòng Điện thoại: 02253775161 Fax: 02253775162 Địa chỉ email: ndhpvn@ndhp.vn
E-ĐKC 5.2	<ul style="list-style-type: none">- Nhà thầu cung cấp một bảo đảm thực hiện hợp đồng theo hình thức thư bảo lãnh do Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và phải là bảo đảm vô điều kiện (trả tiền khi có yêu cầu, theo Mẫu số 15, phần 4, E-HSMT) và không hủy ngang<ul style="list-style-type: none">- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3% giá hợp đồng.- Hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày phát hành bảo lãnh hoặc ngày hợp đồng có hiệu lực (tùy điều kiện nào đến trước) cho đến hết ngày thứ 28 sau khi Bên B hoàn thành tất cả công việc của Hợp đồng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành. Trường hợp bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực trước ngày quy định nêu trên

nhưng Bên B vẫn chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng, Bên B sẽ chịu trách nhiệm gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng và thanh toán chi phí cho việc gia hạn này.

Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu Liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng Bên B phải đảm bảo giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng là 3 phần trăm (%) giá trị của hợp đồng đối với mọi trường hợp.

Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau:

- + Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực;
- + Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng;
- + Bên B thực hiện hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng;
- + Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của Hợp đồng;
- + Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.

Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.

Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày Bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực Bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị, hiệu lực phù hợp với quy định như trên và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày.

Trường hợp Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo lãnh thực hiện hợp đồng.

	Thời hạn nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng: Trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày ký hợp đồng hoặc kể từ ngày Chủ đầu tư gửi văn bản chấp thuận E-HSDT và trao hợp đồng (tùy điều kiện nào đến trước).
E-ĐKC 5.4	Thời hạn hoàn trả bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bảo đảm thực hiện Hợp đồng sẽ được Bên A giải tỏa và trả lại cho Bên B không chậm hơn 28 ngày kể từ khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ của Hợp đồng, Dự án được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên A nhận được Bảo lãnh bảo hành từ Bên B.
E-ĐKC 6.1	Danh sách nhà thầu phụ: <i>[ghi danh sách nhà thầu phụ phù hợp với danh sách nhà thầu phụ nêu trong E-HSDT].</i>
E-ĐKC 6.2	Giá trị công việc mà nhà thầu phụ thực hiện không vượt quá: 0% giá hợp đồng.
E-ĐKC 6.4	Nêu các yêu cầu cần thiết khác về nhà thầu phụ
E-ĐKC 10.1	Loại hợp đồng: Trọn gói.
E-ĐKC 10.2	Giá hợp đồng: Cố định
E-ĐKC 11	Điều chỉnh thuế: Được phép. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo chính sách trên nguyên tắc giữ nguyên đơn giá trước thuế đã ký.
E-ĐKC 12.1	Tạm ứng: Chủ đầu tư tạm ứng cho nhà thầu 10% giá trị hợp đồng (bao gồm cả thuế GTGT) trong vòng 20 ngày sau khi nhà thầu trình đầy đủ các văn bản sau: + Giấy đề nghị tạm ứng. + Bảo đảm thực hiện hợp đồng. + Bảo lãnh tiền tạm ứng với giá trị tương đương giá trị được tạm ứng theo Mẫu số 16, Phần 4, HSMT. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng. <u>Gia hạn bảo lãnh tạm ứng:</u> Nếu Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, Bên B phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh tạm ứng và nộp cho Bên

	<p>A tối thiểu 21 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu Bên B không giao nộp đúng hạn, Bên A có quyền tịch thu toàn bộ giá trị Bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh Bảo lãnh tạm ứng do Bên B chi trả.</p> <p><u>Tịch thu bảo lãnh tạm ứng:</u> Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Bên B không gia hạn Bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi Bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Bên A chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Bên B không bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</p> <p>Bên A có quyền khấu trừ hoặc tịch thu Bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp Bên B vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Nếu nhà thầu là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Bên A lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà Bên B có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó Bên B có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào Bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị Bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Bên A có quyền tịch thu Bảo lãnh tạm ứng.</p>
<p>E-ĐKC 13.1</p>	<p>Bên A thanh toán cho Bên B như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thanh toán: Chuyển khoản 100% - Đồng tiền thanh toán: VNĐ - Bên A thanh toán cho Bên B trong thời gian 60 ngày kể từ khi Bên B xuất trình đầy đủ hồ sơ thanh toán theo yêu cầu, cụ thể: <ul style="list-style-type: none"> + Giấy đề nghị thanh toán của Bên B, trong đó ghi rõ lý do thanh toán, số tiền yêu cầu thanh toán, tên và địa chỉ tài khoản của Ngân hàng nơi nhận tiền. + Biên bản nghiệm thu A-B + Các tài liệu kỹ thuật có liên quan + Hóa đơn giá trị gia tăng + Bảng kê xác định giá trị khối lượng và chất lượng đã hoàn thành thực tế trong đợt thanh toán có xác nhận đại diện hai Bên. + Bảng kê xác định giá trị khối lượng và chất lượng đã hoàn thành thực tế có xác nhận của đại diện hai Bên thể hiện các nội dung: giá trị khối lượng hoàn thành theo hợp đồng, giảm trừ tiền tạm ứng (nếu có), giá trị đề nghị thanh toán.

- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán tương ứng với việc hoàn thành từng công việc trong hạng mục công trình theo biên bản nghiệm thu được Bên A xác nhận.

- Khi thanh toán, Bên A sẽ khấu trừ giá trị đã tạm ứng cho Bên B, giữ lại 5% giá trị bảo hành công trình (5% giá trị hoàn thành) và 5% chờ quyết toán. Nhà thầu có trách nhiệm bảo hành miễn phí toàn bộ công trình trong thời gian **12 tháng**, kể từ ngày nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

- Thanh toán phân giữ lại:

+ Số tiền Bên A giữ lại để bảo hành công trình, Bên A sẽ thanh toán khoản giữ lại này cho Bên B trong vòng 60 ngày sau khi Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành công trình hoặc Bên B nộp bảo lãnh bảo hành do Ngân hàng cấp với giá trị tương đương

+ **Việc quyết toán cho nhà thầu sẽ được thực hiện trong vòng 15 ngày kể từ khi hồ sơ quyết toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.**

Bảo lãnh bảo hành: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày vật tư thiết bị/Công trình được nghiệm thu bàn giao và được Bên A chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên B phải giao cho Bên A Bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và Bên B hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên B gửi Bên A phải là Bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5 phần trăm (%) Giá trị hợp đồng.

Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ công trình được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành. Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành, Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới.

Trường hợp sửa chữa hoặc thay thế Hàng hoá, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên A chấp nhận.

Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên B thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên B theo thời gian yêu cầu của Bên A. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên B phải gửi kế hoạch và nguyên

	<p>nhân để Bên A phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên B cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên A có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên B phải chịu mọi chi phí liên quan này.</p> <p>Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên B chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên B phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của Bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà bên B không gia hạn bảo lãnh thì Bên A có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành</p> <p>- Địa điểm để áp dụng bảo hành là: Công ty Cổ phần Nhiệt điện Hải Phòng, Tổ dân phố 6, Phường Nam Triệu, thành phố Hải Phòng</p>
E-ĐKC 13.2	Giảm trừ thanh toán: Không áp dụng
E-ĐKC 15	<p>1. Phạt vi phạm hợp đồng : Áp dụng.</p> <p>Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 16 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thực hiện một phần hay toàn bộ nội dung công việc theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với : 1% giá trị công việc chậm thực hiện cho 01 ngày lịch đầu tiên; 1% cho 01 ngày tiếp theo cho đến mức tổng số các lần không quá 12% giá trị công việc chậm thực hiện. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 19 E-ĐKC.</p> <p>Trường hợp không kịp thời khắc phục sai sót theo thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm nộp tiền phạt thực hiện hợp đồng tương ứng với 100% chi phí cần thiết để khắc phục sai sót.</p> <p>Ngoài ra, trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, Chủ đầu tư áp dụng theo quy định tại khoản 23. Điều 140 Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu như sau:</p> <p>“ Trường hợp nhà thầu thực hiện gói thầu vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chủ đầu tư chấm dứt hợp đồng với nhà thầu đó; nhà thầu vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng.</p>

	<p>Đối với phần công việc chưa thực hiện được áp dụng hình thức chỉ định thầu cho nhà thầu khác với giá trị được tính bằng giá trị ghi trong hợp đồng trừ đi giá trị của phần công việc đã thực hiện, được nghiệm thu trước đó.</p> <p>Chủ đầu tư phải bảo đảm nhà thầu được chỉ định có năng lực, kinh nghiệm đáp ứng yêu cầu thực hiện phần công việc còn lại của gói thầu. Trường hợp không áp dụng hình thức chỉ định thầu thì hình thành gói thầu mới để tổ chức lựa chọn nhà thầu, trường hợp cần thiết, xem xét lại giá gói thầu đối với phần công việc còn lại trước khi tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định của pháp luật. Trường hợp việc thực hiện hợp đồng chậm tiến độ không do lỗi của nhà thầu thì không được phép chấm dứt hợp đồng để thay thế nhà thầu khác. Trường hợp phải chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng để thay thế nhà thầu mới, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày ban hành quyết định chấm dứt hợp đồng với nhà thầu vi phạm hợp đồng, chủ đầu tư phải đăng tải thông tin nhà thầu vi phạm hợp đồng, thông tin nhà thầu thay thế trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, đồng thời gửi quyết định chấm dứt hợp đồng và các tài liệu xử lý vi phạm hợp đồng khác (nếu có) đến Bộ Tài chính để tổng hợp, theo dõi. Thông báo phải nêu rõ lý do nhà thầu vi phạm hợp đồng dẫn tới phải chấm dứt hợp đồng, hình thức lựa chọn nhà thầu thay thế, tên nhà thầu được chỉ định trong trường hợp áp dụng hình thức chỉ định thầu.”.</p> <p>Theo điểm b, khoản 19.1, Điều 19 ĐKC của Hợp đồng mẫu E-HSMT “Trường hợp Chủ đầu tư chấm dứt một phần hoặc toàn bộ hợp đồng theo điểm a Mục 19.1 E-ĐKC, Chủ đầu tư có thể ký hợp đồng với nhà thầu khác để thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt đó. Nhà thầu sẽ chịu trách nhiệm bồi thường cho Chủ đầu tư những chi phí vượt trội cho việc thực hiện phần hợp đồng bị chấm dứt này. Tuy nhiên, Nhà thầu vẫn phải tiếp tục thực hiện phần hợp đồng không bị chấm dứt và chịu trách nhiệm đối với phần hợp đồng do mình thực hiện.</p> <p>2. Bồi thường thiệt hại: Áp dụng.</p> <p>Trường hợp nhà thầu chậm tiến độ làm ảnh hưởng đến lợi ích của Chủ đầu tư, ngoài giá trị phạt chậm như nêu trên, nhà thầu phải: Bồi thường thiệt hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế mà chủ đầu tư phải chịu do ảnh hưởng trên.</p>
<p>E-ĐKC 17.1(c)</p>	<p>Các nội dung khác về sửa đổi hợp đồng: - Thay đổi phạm vi công việc</p>

	- Các thay đổi khác mang tính khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát của nhà thầu không ảnh hưởng đến tính cạnh tranh của gói thầu và phải được chủ đầu tư chấp thuận.
E-ĐKC 17.4	Trường hợp đề xuất giải pháp tiết kiệm chi phí được Chủ đầu tư chấp thuận và giúp giảm giá hợp đồng, Chủ đầu tư thanh toán cho Nhà thầu 0% giá trị giảm giá hợp đồng.
E-ĐKC 18 (e)	Các trường hợp khác: Không có
E-ĐKC 20.1	<p>Chủ đầu tư thực hiện đánh giá chất lượng dịch vụ phi tư vấn theo nguyên tắc và cách thức như sau: Nhà thầu phải bố trí đầy đủ nhân lực, vật tư thiết bị, máy thi công để triển khai công việc đảm bảo tiến độ và chất lượng theo đúng yêu cầu của HSMT, HSDT và các quy định về quản lý chất lượng của Công ty Nhiệt điện Hải Phòng, GENCO2, EVN và của Nhà nước.</p> <p>Thời hạn trách nhiệm đối với sai sót: Trường hợp phát sinh sai sót trong quá trình Nhà thầu cung cấp dịch vụ, trước khi kết thúc hợp đồng, Chủ đầu tư thông báo cho Nhà thầu về các sai sót cần khắc phục.</p> <p>Khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư, Nhà thầu có trách nhiệm kịp thời khắc phục sai sót chậm nhất sau 03 ngày kể từ khi nhận được thông báo của Chủ đầu tư. Trường hợp Nhà thầu không tiến hành khắc phục các hư hỏng, khuyết tật phát sinh trong khoảng thời gian được Chủ đầu tư quy định, Chủ đầu tư có thể thuê tổ chức khác khắc phục hư hỏng, khuyết tật phát sinh và Nhà thầu phải hoàn trả chi phí.</p>
E-ĐKC 21.2	Thời gian Nhà thầu thực hiện việc thay thế nhân sự: 02 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Chủ đầu tư.
E-ĐKC 22.2	<p>- Thời gian để tiến hành hòa giải: 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu có phát sinh tranh chấp.</p> <p>- Giải quyết tranh chấp: Nếu không thống nhất giải quyết thì một trong hai bên có quyền đề nghị Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày có phát sinh tranh chấp, quyết định của Tòa án là cơ sở để hai bên thực hiện và án phí do bên thua chịu.</p>